TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-11-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Den.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn D1, sinh năm 1979 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 năm 2019 bà D có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2019 và tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 2003 bà và ông D1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ

quan nhà nước. Thời gian đầu bà và ông D1 chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên sau một quá trình chung sống bà và ông D1 xãy ra mâu thuẩn, thường xuyên cự cải lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn như lúc ban đầu. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã xãy ra nhiều mâu thuẫn và tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn D1. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông D1 có 02 người con chung tên Phạm Minh L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2004 và Phạm Ngọc Tr, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2010. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn D1 trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng. Nay bà Nguyễn Thị D xin ly hôn với ông, ông đồng ý. Về con chung, có hai người đúng như bà D đã trình bày. Ông không đồng ý giao hai người con chung tên Phạm Minh L và Phạm Ngọc Tr cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng vì do bà D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, ông yêu cầu được nuôi hai người con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn D1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn D1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà D và ông D1 không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn D1.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông D1 có hai người con chung tên Phạm Minh L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2004 và Phạm Ngọc Tr, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2010, con chung đang do ông D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con. Ông D1 không đồng ý giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông D1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì bà D đi xuất khẩu lao động nên không thể nuôi con chung. Xét thấy, con chung của bà D và ông D1 đang do ông D1 trực tiếp nuôi dưỡng, tại đơn đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11 tháng 9 năm 2019 bà D cho rằng không tham gia phiên tòa được do bận đi lao động ở nước ngoài. Do bà D đi xuất khẩu lao động nên không có điều kiện trực tiếp, chăm sóc giáo dục con chung nên bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là không có cơ sở nên không không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông D1 có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên ông D1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, giao hai người con chung tên Phạm Minh L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2004 và Phạm Ngọc Tr, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2010 cho ông Phạm Văn D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông D1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn D1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà D phải chịu 300.000đ, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn D1.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Phạm Minh L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2004 và Phạm Ngọc Tr, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2010 cho ông Phan Văn D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019396 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, Ông D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn mươi lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều